

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2026/HS-PT
Ngày: 25/03/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM-TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: ông Vũ Ngọc Huynh;
bà Hồ Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lua, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên: ông Hà Văn H, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 509/2025/TLPT-HS ngày 19/11/2025 đối với bị cáo Trương Minh H1;

Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1/Bị cáo: Trương Minh H1; giới tính: nam; sinh năm 1985 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: 551 khóm T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; học vấn: lớp 12/12; là con của ông Trương Ngọc Y và bà Lê Thị N; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Kiều O và có 02 người con (một người con sinh năm 2018 và một người con sinh năm 2023);

Tiền án: không; tiền sự: không;

Tạm giữ vào ngày 01/12/2023; tạm giam ngày 04/12/2023 (hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1-Công an tỉnh Đ);

(có mặt tại phiên tòa)

2/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người kháng cáo):

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là: xã M, huyện P, tỉnh Hậu Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh H1 (H1) và Bùi Quang T (T) quen biết với nhau từ năm 2018.

Trong thời gian quen biết, T nói với H1 rằng có quen với nhiều người kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cát; nếu H1 có phương tiện khai thác cát gia công, T sẽ giúp đưa vào khai thác để kiếm tiền, lo cho gia đình; H1 trả lời rằng khi nào cần, sẽ liên hệ lại.

Vào khoảng tháng 11/2021, Trần Thị Thu H2 (H2) biết H1 buôn bán vật liệu xây dựng; nghĩ rằng H1 sẽ quen biết nhiều người kinh doanh trong việc khai thác cát, nên H2 đã gặp và nhờ giúp đưa xà-lan vào khai thác cát gia công.

Khi hai bên gặp nhau, H2 gợi ý đưa tiền cho H1, để lo cho Lê Thanh H3 (H) đưa xà-lan vào khai thác cát gia công tại khu vực 2A + 2B tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; H1 nói với H2: “*về hỏi rồi trả lời sau*”; H2 nói: “*cố gắng giúp H2 và cần bao nhiêu tiền thì nói*”; H1 đồng ý.

Sau đó, H1 liên lạc với T để nhờ giúp. Khi liên lạc xong, H1 nói với H2 rằng giá mỗi cần cẩu đưa vào cạp cát gia công, là 6.500.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng.

Sau khi biết thông tin như trên, H2 nói lại với H3 rồi đưa đến gặp H1; H1 nói cho H2 và H3 như sau: “*01 cần cẩu và cần cạp cát đưa vào khai thác tại mỏ cát của Công ty xây lắp tỉnh Đ tại Khu vực Long Khánh B + 2B thuộc huyện H trong vòng 12 tháng là 6.500.000.000 đồng, phải đưa trước số tiền 3.500.000.000 đồng, số còn lại sau khi đưa cần vào thì sẽ đưa đủ*”; H2 đưa trước cho H1 500.000.000 đồng (của H3) và nói rằng số tiền còn lại là 3.000.000.000 đồng, sáng hôm sau sẽ đưa đủ; H1 đồng ý nhận tiền và viết biên nhận cho H2. Sau đó, H3 trực tiếp đưa tiền và ký hợp đồng với H1 vào ngày 14/12/2021; tiếp đó, H3 đã đưa thêm 03 lần cho H1 với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng.

Sau khi nhận đủ số tiền 3.500.000.000 đồng của H3, H1 đưa cho T số tiền 2.500.000.000 đồng để nhờ đưa xà-lan cạp cát của H3 vào khai thác cát. Tuy nhiên, T không thừa nhận sự việc như vậy, mà chỉ thừa nhận rằng đã mượn tiền của H1 để làm ăn; đối với số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng, H1 giữ lại để tiêu xài cá nhân.

Do H1 không thực hiện được lời hứa, nên H3 làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an tỉnh Đ. Vào ngày 01/12/2023 H1 ra đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra, T đã nộp lại số tiền 1.700.000.000 đồng (mà T cho là đã mượn của H1) để H1 khắc phục hậu quả; H1 đã trả lại 250.000.000 đồng cho H3 (thông qua ông Nguyễn Văn H4-bút lục 427-519).

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSĐT-P2 ngày 14/05/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trương Minh Hiếu về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 25/09/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử như sau:

-Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s, v Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trương Minh H1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

-Xử phạt bị cáo Trương Minh H1 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2023.

-Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trương Minh H1 trả lại số tiền 3.250.000.000 đồng cho người bị hại Lê Thanh H3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về việc xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (đơn ghi ngày 30/09/2025), nội dung như sau:

-Số tiền mà bị cáo H1 chiếm đoạt (3.500.000.000 đồng) trong vụ án này, là tiền của ông Đ. Vì vậy, ông Đ yêu cầu Tòa án xác định rằng ông Đ là người bị hại trong vụ án này và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm trình bày ý kiến như sau:

-Về thủ tục: Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật;

-Về nội dung giải quyết vụ án: việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng ông Lê Thanh H3 là người bị hại và buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho ông Lê Thanh H3, là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 25/09/2025, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trương Minh H1 hình phạt 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chiếu theo Đ1 a Khoản 4 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tòa án xác định rằng số tiền mà bị cáo Trương Minh H1 chiếm đoạt của ông Lê Thanh H3, là 3.500.000.000 đồng. Vì vậy, cùng với trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Trương Minh H1 phải trả lại cho ông Lê Thanh H3 số tiền còn lại là 3.250.000.000 đồng (trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã trả lại 250.000.000 đồng).

[2]Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại (và những người tham gia tố tụng khác) không kháng cáo bản án sơ thẩm; chỉ có ông Lê Văn Đ (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo, nội dung như sau:

-Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt (3.500.000.000 đồng) trong vụ án này, là tiền của ông Lê Văn Đ. Vì vậy, ông Lê Văn Đ yêu cầu Tòa án xác định rằng đương sự là người bị hại và tuyên buộc bị cáo trả lại tiền (3.500.000.000 đồng) cho mình.

[3]Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ để kết luận như sau:

-Bên cạnh bản hợp đồng ký kết vào ngày 14/12/2021 giữa ông Lê Thanh H3 và bị cáo Trương Minh H1 (đây là hợp đồng để Trương Minh H1 chiếm lấy số tiền 3.500.000.000 đồng của ông Lê Thanh H3), thì còn có bản hợp đồng ký kết vào ngày 05/05/2022 giữa ông Lê Văn Đ và bị cáo Trương Minh H1. Theo bản hợp đồng này, vào ngày 07/05/2022, Trương Minh H1 nhận của ông Lê Văn Đ số tiền là 3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 02/10/2022 sau đó, chính ông Lê Văn Đ đã tự viết và ký tên vào phần cuối của hợp đồng, xác định nội dung như sau: “*Hôm nay ngày 02 tháng 10 năm 2022 tôi Lê Văn Đ hủy hợp đồng này với anh trương minh H1 không còn hiệu lực nữa*”;

-Kết quả điều tra vụ án cũng xác định rằng tổng số tiền 3.500.000.000 đồng mà ông Lê Thanh H3 đưa cho bị cáo Trương Minh H1, xuất phát từ những nguồn như sau: (1) 500.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn H4 cho mượn; (2) 1.500.000.000 đồng do Lê Thanh H3 lấy của bà Võ Thị T1; (3) 1.500.000.000 đồng là thỏa thuận riêng giữa ông Lê Văn Đ và ông Lê Thanh H3. Điều này cũng phù hợp với kết quả điều tra khi xác định rằng việc ký kết hợp đồng ngày 05/05/2022 thực chất chỉ là cách thức mà bị cáo Trương Minh H1 kéo dài thời hạn trả lại tiền cho ông Lê Thanh H3.

[4]Với những tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án đã viện dẫn và đánh giá nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ kết luận rằng việc kháng cáo của ông Lê

Văn Đ (yêu cầu xác định rằng đương sự là người bị hại và buộc bị cáo trả lại số tiền 3.500.000.000 đồng), là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1/Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phân trách nhiệm dân sự, như sau:

-Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trương Minh H1 trả lại số tiền 3.250.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cho người bị hại Lê Thanh H3.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003192 ngày 01/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp; ông Lê Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4/Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Số 1 - Công an tỉnh Đồng Tháp (tổng đạt cho bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

